

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 2 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Ông Bùi Quốc Bảo	Thành viên	
Ông Đoàn Văn Quý	Thành viên	
Ông Bùi Quang Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2018
Ông Dương Hữu Hiệu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
	Giám đốc Kỹ thuật	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Sửa chữa	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Bùi Quốc Bảo	Giám đốc Sản xuất Động cơ Điện	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
	kiểm Kế toán trưởng	
Ông Ngô Văn Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 là Ông Nguyễn Trọng Tiểu và từ ngày 1 tháng 7 năm 2018 đến ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Quang Vinh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 22 tháng 2 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Tổng Giám đốc
Bùi Quang Vinh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 2 năm 2019





Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61441291/20416493

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“Công ty”) được lập ngày 22 tháng 2 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 22 tháng 2 năm 2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.


Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 10 tháng 3 năm 2018.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1



Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 2 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		301.101.362.678	374.690.413.154
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	29.932.570.039	54.205.127.052
111	1. Tiền		7.632.570.039	10.205.127.052
112	2. Các khoản tương đương tiền		22.300.000.000	44.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	61.839.670.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	39.839.670.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	22.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		217.756.377.048	114.684.155.246
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	214.816.568.611	113.708.190.129
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	4.732.801.338	530.133.659
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		750.206.350	985.698.295
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(2.543.199.251)	(539.866.837)
140	IV. Hàng tồn kho	8	53.153.748.391	143.697.992.040
141	1. Hàng tồn kho		53.215.837.880	145.577.026.049
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(62.089.489)	(1.879.034.009)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		258.667.200	263.468.816
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		258.667.200	252.200.748
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	11.268.068
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		399.144.341.719	369.686.545.194
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.740.871.000	75.339.914.100
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	6.740.871.000	75.339.914.100
220	II. Tài sản cố định		79.446.066.880	84.528.146.923
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	78.691.650.374	83.563.734.197
222	Nguyên giá		175.500.041.681	171.356.371.988
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(96.808.391.307)	(87.792.637.791)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	754.416.506	964.412.726
228	Nguyên giá		1.286.081.111	1.286.081.111
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(531.664.605)	(321.668.385)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	310.833.656.591	207.494.189.336
251	1. Đầu tư vào công ty con		130.991.461.482	27.651.994.227
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		179.842.195.109	179.842.195.109
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.123.747.248	2.324.294.835
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.123.747.248	2.324.294.835
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		700.245.704.397	744.376.958.348

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		203.887.117.323	259.828.717.001
310	I. Nợ ngắn hạn		197.503.989.509	252.085.238.757
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	60.830.937.830	54.771.587.247
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		566.566.312	3.020.001.637
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.276.785.100	6.823.360.907
314	4. Phải trả người lao động		8.948.815.908	13.402.779.869
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.106.950.291	819.648.009
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		113.636.364	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		290.776.293	3.161.648.680
320	8. Vay ngắn hạn	18	116.529.633.341	153.460.748.234
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	916.160.914	10.668.139.193
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	2.923.727.156	5.957.324.981
330	II. Nợ dài hạn		6.383.127.814	7.743.478.244
337	1. Phải trả dài hạn khác		50.000.000	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	16	6.333.127.814	6.122.073.434
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	1.621.404.810
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		496.358.587.074	484.548.241.347
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	490.053.095.380	477.446.772.661
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		368.000.000.000	368.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		368.000.000.000	368.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.595.945	152.595.945
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		6.200.042.131	6.200.042.131
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		117.289.869.904	104.683.547.185
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		47.285.372.185	23.621.535.127
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		70.004.497.719	81.062.012.058
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		6.305.491.694	7.101.468.686
431	1. Nguồn kinh phí		-	(52.023.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		6.305.491.694	7.153.491.686
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		700.245.704.397	744.376.958.348

Người lập
Ngô Văn Hải

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Yên

Tổng Giám đốc
Bùi Quang Vinh



Ngày 22 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	469.368.342.784	517.630.083.254
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(1.051.880.023)	(683.931.458)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	468.316.462.761	516.946.151.796
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(373.536.005.278)	(424.823.077.431)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		94.780.457.483	92.123.074.365
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	41.633.752.718	52.541.714.895
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	(23.136.461.440) (8.366.733.692)	(6.211.909.566) (5.556.082.505)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(6.515.010.729)	(13.359.555.939)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(31.450.038.900)	(33.701.829.813)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		75.312.699.132	91.391.493.942
31	11. Thu nhập khác	25	2.712.071.810	1.394.978.104
32	12. Chi phí khác	25	(202.250.328)	(2.718.223.599)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	25	2.509.821.482	(1.323.245.495)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		77.822.520.614	90.068.248.447
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(7.818.022.895)	(9.006.236.389)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		70.004.497.719	81.062.012.058


Người lập
Ngô Văn Hải


Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Yên




Tổng Giám đốc
Bùi Quang Vinh

Ngày 22 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		77.822.520.614	90.068.248.447
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		8.719.618.647	8.532.460.620
03	Các khoản dự phòng		(9.354.536.005)	(2.088.490.290)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		49.435.353	3.341.647
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(41.660.340.135)	(52.580.403.469)
06	Chi phí lãi vay		8.366.733.692	5.556.082.505
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		43.943.432.166	49.491.239.460
09	Tăng các khoản phải thu		(36.503.667.287)	(79.942.556.333)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		92.361.188.169	(33.490.906.563)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(6.283.856.277)	(2.815.624.809)
12	Giảm chi phí trả trước		194.081.135	259.391.801
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh		39.839.670.000	(39.839.670.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.170.832.848)	(5.542.186.221)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.936.550.539)	(4.669.705.789)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.862.725.285	8.755.087.949
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.161.997.659)	(7.297.003.381)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		110.144.192.145	(115.091.933.886)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.702.645.076)	(16.149.613.794)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		50.600.000	297.782.548
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(29.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		22.000.000.000	27.300.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(103.339.467.255)	(7.749.360.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		41.648.164.374	52.479.116.407
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(43.343.347.957)	27.177.925.161

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		420.810.166.268	409.466.220.795
34	Tiền trả nợ gốc vay		(457.741.281.161)	(302.554.251.996)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(54.142.952.775)	(73.281.945.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(91.074.067.668)	33.630.023.199
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(24.273.223.480)	(54.283.985.526)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		54.205.127.052	108.489.035.235
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		666.467	77.343
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	29.932.570.039	54.205.127.052



Người lập
Ngô Văn Hải



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Yên



Tổng Giám đốc
Bùi Quang Vinh



Ngày 22 tháng 2 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 2 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 241 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 317 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội (“Công ty Heco”)	99,82%	99,82%	Lô J12 (ABC), đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội (“Trường Hitech”)	100%	100%	Km12 – đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
3	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari (“Công ty Vihem”)	65,37%	65,37%	Tổ 24, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đề ngày 22 tháng 2 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 6 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy chế tài chính của Công ty và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY CON TRONG NĂM

4.1 Mua thêm sở hữu trong Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội

Trong tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 48,65% cổ phần của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội từ các cổ đông cá nhân với tổng giá phí là 9 tỷ VND để nâng tỷ lệ sở hữu trong công ty con này lên 100%.

4.2 Mua Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (“Công ty Vihem”)

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2018, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua lại 7.190.700 cổ phần, tương ứng với 65,37% vốn điều lệ của Công ty Vihem từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam, công ty mẹ cấp I của Công ty với tổng giá phí là 94,3 tỷ VND. Công ty Vihem trở thành công ty con của Công ty từ ngày này.

Công ty Vihem là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 ngày 23 tháng 11 năm 2017. Công ty này có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.

Công ty mua Công ty Vihem theo phương án tái cấu trúc của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam, công ty mẹ cấp I. Vào ngày 18 tháng 10 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 04/2018/NQ -ĐHĐCĐ/HEM về việc sát nhập Công ty Vihem vào Công ty. Theo đó, Công ty được kế thừa toàn bộ các quyền lợi và nghĩa vụ đối với các tài sản và nợ của Công ty Vihem. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để tiến hành sáp nhập.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	173.899.111	118.666.824
Tiền gửi ngân hàng	7.458.670.928	10.086.460.228
Các khoản tương đương tiền (*)	22.300.000.000	44.000.000.000
TỔNG CỘNG	29.932.570.039	54.205.127.052

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội – chi nhánh Cầu Diễn, có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	118.222.266.831	45.198.134.535
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	96.594.301.780	68.510.055.594
TỔNG CỘNG	214.816.568.611	113.708.190.129
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.543.199.251)	(539.866.837)
Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng		
- Công ty Điện lực Thái Bình	2.134.173.000	4.829.160.000
- Công ty Điện lực Bắc Ninh	1.005.884.000	1.383.090.500
- Công ty Điện lực Nam Định	1.005.884.000	829.854.300
- Công ty Điện lực Sơn La	952.952.000	149.749.600
- Công ty Điện lực Hưng Yên	-	11.493.682.200
- Công ty Điện lực Vĩnh Phúc	-	10.712.897.800
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.641.978.000	45.941.479.700
TỔNG CỘNG	6.740.871.000	75.339.914.100

Một số khoản phải thu được sử dụng để thế chấp cho khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH ABB	2.122.352.100	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Điện Lực Hà Nội	1.532.127.388	-
Các khoản trả trước khác	1.078.321.850	530.133.659
TỔNG CỘNG	4.732.801.338	530.133.659

7. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	872.594.700	-	872.594.700	872.594.700
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	612.722.000	-	612.722.000	612.722.000
Công ty TNHH Cơ khí Phong Anh	265.400.784	-	265.400.036	-
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	247.528.050	74.258.415	247.528.050	247.528.050
Các khoản khác	1.414.665.419	795.453.287	274.466.801	-
TỔNG CỘNG	3.412.910.953	869.711.702	2.272.711.587	1.732.844.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	25.554.936.257	(62.089.489)	68.100.951.358	(62.089.489)
Công cụ, dụng cụ	695.906.676	-	583.306.940	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.555.652.688	-	10.639.032.540	-
Thành phẩm	15.783.555.085	-	65.554.667.602	(1.816.944.520)
Hàng hoá	3.625.787.174	-	699.067.609	-
TỔNG CỘNG	<u>53.215.837.880</u>	<u>(62.089.489)</u>	<u>145.577.026.049</u>	<u>(1.879.034.009)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.879.034.009	723.740.777
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	1.155.293.232
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	<u>(1.816.944.520)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>62.089.489</u>	<u>1.879.034.009</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc (*)</i>	<i>Máy móc, thiết bị (*)</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	50.215.855.830	102.188.749.316	17.636.750.452	1.315.016.390	171.356.371.988
- Mua trong năm	-	3.735.753.260	760.606.636	-	4.496.359.896
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(352.690.203)	-	(352.690.203)
Số cuối năm	50.215.855.830	105.924.502.576	18.044.666.885	1.315.016.390	175.500.041.681
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>1.690.250.723</i>	<i>26.685.712.324</i>	<i>9.063.584.783</i>	<i>1.315.016.390</i>	<i>38.754.564.220</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	24.368.918.363	50.266.890.477	11.841.812.561	1.315.016.390	87.792.637.791
- Khấu hao trong năm	1.570.341.188	6.664.204.838	1.133.897.693	-	9.368.443.719
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(352.690.203)	-	(352.690.203)
Số cuối năm	25.939.259.551	56.931.095.315	12.623.020.051	1.315.016.390	96.808.391.307
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	25.846.937.467	51.921.858.839	5.794.937.891	-	83.563.734.197
Số cuối năm	24.276.596.279	48.993.407.261	5.421.646.834	-	78.691.650.374

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

(*) Công ty đã cho Công ty Thibidi, một công ty cùng Tập đoàn thuê một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị thuộc dây chuyền sản xuất máy biến áp và phương tiện vận tải, truyền dẫn trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	<u>1.041.600.000</u>	<u>244.481.111</u>	<u>1.286.081.111</u>
Số cuối năm	<u>1.041.600.000</u>	<u>244.481.111</u>	<u>1.286.081.111</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	75.000.000	-	75.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	236.100.000	85.568.385	321.668.385
- Hao mòn trong năm	<u>161.100.000</u>	<u>48.896.220</u>	<u>209.996.220</u>
Số cuối năm	<u>397.200.000</u>	<u>134.464.605</u>	<u>531.664.605</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>805.500.000</u>	<u>158.912.726</u>	<u>964.412.726</u>
Số cuối năm	<u>644.400.000</u>	<u>110.016.506</u>	<u>754.416.506</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào công ty con		130.991.461.482	-	137.321.794.227		27.651.994.227	-	27.651.994.227
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội (*)	99,82%	18.027.103.006	-	18.027.103.006	99,82%	18.027.103.006	-	18.027.103.006
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội (**)	100%	18.624.891.221	-	18.624.891.221	51,35%	9.624.891.221	-	9.624.891.221
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari ("Công ty Vihem") (***)	65,37%	94.339.467.255	-	100.669.800.000	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết						179.842.195.109	-	179.842.195.109
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (****)	35,00%	179.842.195.109	-	179.842.195.109	35,00%	179.842.195.109	-	179.842.195.109
TỔNG CỘNG		310.833.656.591	-	317.163.989.336		207.494.189.336	-	207.494.189.336

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(**) Trong tháng 3 năm 2018, Công ty đã mua thêm 48,65% cổ phần của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội từ các cổ đông cá nhân để nâng tỷ lệ sở hữu trong công ty con này lên 100%.

(***) Vào ngày 17 tháng 10 năm 2018, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua lại 7.190.700 cổ phần, tương ứng với 65,37% vốn điều lệ của Công ty Vihem từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam, công ty mẹ của Công ty. Công ty Vihem trở thành công ty con của Công ty từ ngày này.

(****) Thông tin chi tiết về công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCNĐC3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	984.778.132	1.130.359.723
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.138.969.116	1.193.935.112
TỔNG CỘNG	2.123.747.248	2.324.294.835

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	41.243.962.756	41.243.962.756	48.191.921.847	48.191.921.847
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thiết bị Điện TTC	22.614.618.180	22.614.618.180	153.422.500	153.422.500
- Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị Điện Việt Nam	6.679.557.500	6.679.557.500	211.200.000	211.200.000
- Công ty TNHH Shaanxi JC Engineering and Trading	4.114.137.692	4.114.137.692	51.165.000	51.165.000
- Công ty TNHH Y&W Engineering and Trading	198.004.800	198.004.800	18.522.184.800	18.522.184.800
- Công ty TNHH NTT	-	-	12.164.674.709	12.164.674.709
- Phải trả các đối tượng khác	7.637.644.584	7.637.644.584	17.089.274.838	17.089.274.838
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	19.586.975.074	19.586.975.074	6.579.665.400	6.579.665.400
TỔNG CỘNG	60.830.937.830	60.830.937.830	54.771.587.247	54.771.587.247

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	772.232.816	23.047.900.896	22.414.290.072	1.405.843.640
Thuế nhập khẩu	-	535.735.103	535.735.103	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.931.862.321	7.818.022.895	9.936.550.539	3.813.334.677
Thuế thu nhập cá nhân	119.265.770	2.241.561.225	2.303.220.212	57.606.783
Tiền thuê đất	-	4.267.099.945	4.267.099.945	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
TỔNG CỘNG	6.823.360.907	37.913.320.064	39.459.895.871	5.276.785.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay	556.692.434	360.791.590
Chi phí phải trả khác	550.257.857	458.856.419
TỔNG CỘNG	<u>1.106.950.291</u>	<u>819.648.009</u>

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	916.160.914	10.668.139.193
TỔNG CỘNG	<u>916.160.914</u>	<u>10.668.139.193</u>
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	6.333.127.814	6.122.073.434
TỔNG CỘNG	<u>6.333.127.814</u>	<u>6.122.073.434</u>

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Công ty sản xuất và bán ra trong các năm theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 5 tháng đến 6 năm).

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	5.957.324.981	4.101.717.275
Trích quỹ trong năm	2.431.620.000	6.322.000.000
Nhận quỹ khen thưởng phúc lợi từ công ty liên kết (*)	1.406.780.976	1.526.778.083
Sử dụng trong năm	<u>(6.871.998.801)</u>	<u>(5.993.170.377)</u>
Số cuối năm	<u>2.923.727.156</u>	<u>5.957.324.981</u>

(*) Theo thỏa thuận trong Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD ký ngày 23 tháng 6 năm 1994, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty sẽ nhận được 1% lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số đầu năm</i>		<i>Số phát sinh trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
		<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	18.1	140.947.665.234	140.947.665.234	254.941.076.268	(297.243.931.161)	98.644.810.341	98.644.810.341
Vay từ đối tượng khác	18.2	12.513.083.000	12.513.083.000	149.169.090.000	(154.397.350.000)	7.284.823.000	7.284.823.000
Vay từ bên liên quan	18.3	-	-	16.700.000.000	(6.100.000.000)	10.600.000.000	10.600.000.000
TỔNG CỘNG		153.460.748.234	153.460.748.234	420.810.166.268	(457.741.281.161)	116.529.633.341	116.529.633.341

18.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	74.648.373.946	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 5 năm 2019	5,2% - 6,5%	Một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	11.297.896.317	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 6 năm 2019	5,1% - 6,85%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Mỹ Đình	8.772.658.964	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 6 năm 2019	3,9% - 6,6%	Các khoản phải thu phát sinh từ việc bán hàng hóa được mua và thanh toán bằng nguồn vốn vay này
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	3.925.881.114	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 22 tháng 2 năm 2019	4,7% - 6,44%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	98.644.810.341			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác bằng VND được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Cán bộ công nhân viên Công ty	6.804.823.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tin chấp
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	480.000.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	<u>7.284.823.000</u>			

18.3 Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn bên liên quan bằng VND được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	10.600.000.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5% - 7,0%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	<u>10.600.000.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	3.200.042.131	106.232.275.127	475.995.500.603
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	81.062.012.058	81.062.012.058
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.322.000.000)	(6.322.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(73.288.740.000)	(73.288.740.000)
Số cuối năm	<u>368.000.000.000</u>	<u>152.595.945</u>	<u>(1.589.412.600)</u>	<u>6.200.042.131</u>	<u>104.683.547.185</u>	<u>477.446.772.661</u>
Năm nay						
Số đầu năm	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	6.200.042.131	104.683.547.185	477.446.772.661
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	70.004.497.719	70.004.497.719
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.431.620.000)	(2.431.620.000)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(54.966.555.000)	(54.966.555.000)
Số cuối năm	<u>368.000.000.000</u>	<u>152.595.945</u>	<u>(1.589.412.600)</u>	<u>6.200.042.131</u>	<u>117.289.869.904</u>	<u>490.053.095.380</u>

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, Công ty đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	242.422.450.000	242.422.450.000	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	-	-	-	242.422.450.000	242.422.450.000	-
Cổ đông khác	124.021.250.000	124.021.250.000	-	124.021.250.000	124.021.250.000	-
Cổ phiếu quỹ	1.556.300.000	1.556.300.000	-	1.556.300.000	1.556.300.000	-
TỔNG CỘNG	368.000.000.000	368.000.000.000	-	368.000.000.000	368.000.000.000	-

19.3 Cổ tức

Năm nay Năm trước

Cổ tức đã công bố trong năm

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông

Cổ tức cho năm 2016: 2.000 VND/cổ phiếu	-	73.288.740.000
Cổ tức cho năm 2017: 1.500 VND/cổ phiếu	54.966.555.000	-

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- -

19.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đăng ký phát hành	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	155.630	1.589.412.600	155.630	1.589.412.600
Cổ phiếu phổ thông	155.630	1.589.412.600	155.630	1.589.412.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.644.370	366.410.587.400	36.644.370	366.410.587.400
Cổ phiếu phổ thông	36.644.370	366.410.587.400	36.644.370	366.410.587.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết Sàn Giao dịch Chứng Khoán Upcom với mã chứng khoán là HEM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.675,53	57,07

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	469.368.342.784	517.630.083.254
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	179.019.362.269	414.699.840.982
Doanh thu bán hàng hóa	222.085.309.339	52.380.804.882
Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	68.263.671.176	50.549.437.390
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.051.880.023)	(683.931.458)
Doanh thu thuần	468.316.462.761	516.946.151.796
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	295.327.634.091	447.733.448.859
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	172.988.828.670	69.212.702.937

(*) Bao gồm doanh thu từ cho thuê tài sản trong năm với số tiền là 4.137.500.000 VND.

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.714.340.135	3.281.377.365
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.900.000.000	49.185.348.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.412.583	74.989.530
TỔNG CỘNG	41.633.752.718	52.541.714.895

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	143.563.331.159	345.501.625.854
Giá vốn của hàng hóa đã bán	189.148.293.718	50.446.479.485
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	42.641.324.921	27.719.678.860
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.816.944.520)	1.155.293.232
TỔNG CỘNG	373.536.005.278	424.823.077.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư (*)	14.378.420.000	-
Chi phí lãi vay	8.366.733.692	5.556.082.505
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	289.359.018	586.996.953
Lỗ chênh lệch tỷ giá	101.948.730	68.830.108
TỔNG CỘNG	<u>23.136.461.440</u>	<u>6.211.909.566</u>

(*) Lỗ từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần GTNfoods.

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	4.651.668.689	3.502.840.138
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	876.749.102	675.029.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.284.135.926	5.137.233.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.381.204	152.964.515
Chi phí bán hàng khác	5.104.999.707	5.761.475.494
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(9.540.923.899)	(1.869.987.247)
TỔNG CỘNG	<u>6.515.010.729</u>	<u>13.359.555.939</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	13.828.490.944	16.317.502.914
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.469.435.469	1.614.790.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.056.240.874	1.149.623.117
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.003.332.414	(440.155.150)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.135.561.653	4.646.104.526
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.956.977.546	10.413.963.502
TỔNG CỘNG	<u>31.450.038.900</u>	<u>33.701.829.813</u>

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Hoàn nhập Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ	1.289.304.810	-
Hỗ trợ hành chính từ công ty liên kết	1.236.600.000	1.231.200.000
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	46.000.000	113.678.104
Thu nhập khác	140.167.000	50.100.000
	<u>2.712.071.810</u>	<u>1.394.978.104</u>
Chi phí khác		
Các khoản phạt	88.492.735	2.644.863.110
Chi phí khác	113.757.593	73.360.489
	<u>202.250.328</u>	<u>2.718.223.599</u>
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC	<u>2.509.821.482</u>	<u>(1.323.245.495)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.833.586.941	340.181.436.727
Chi phí nhân công	40.057.536.851	48.196.388.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.719.618.647	8.532.460.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.341.091.020	18.924.543.258
Chi phí khác	13.180.324.401	18.916.196.536
TỔNG CỘNG	<u>173.132.157.860</u>	<u>434.751.025.819</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	77.822.520.614	90.068.248.447
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	15.564.504.123	18.013.649.689
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.980.000.000)	(9.837.069.600)
Chi phí không được khấu trừ khác	233.518.772	829.656.300
Chi phí thuế TNDN	<u>7.818.022.895</u>	<u>9.006.236.389</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Vay ngắn hạn	65.000.000.000	-
		Thanh toán vay ngắn hạn	65.000.000.000	-
		Chia cổ tức	36.363.367.500	48.484.490.000
		Mua vật tư, hàng hóa	14.190.081.411	-
		Mua dịch vụ	478.540.132	723.486.780
		Chi phí lãi vay	515.342.466	-
		Bù trừ công nợ	201.758.036	397.591.513
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng hóa	82.363.627.074	4.918.826.000
		Cho thuê tài sản	4.137.500.000	-
		Mua vật tư, hàng hóa	63.072.326.708	13.808.330.844
		Bù trừ công nợ	20.126.898.840	-
		Mua dịch vụ	2.214.206.648	-
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Cùng Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ	370.227.273	493.636.364
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	65.000.000.000	-
		Thanh toán vay ngắn hạn	65.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa	10.093.460.000	37.016.677.340
		Mua vật tư, hàng hóa	3.271.127.433	35.195.704.817
		Chi phí lãi vay	658.904.110	-
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa	2.346.026.823	714.025.878
		Bù trừ công nợ	385.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa	-	1.369.000.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	498.702.274
Công ty Cổ phần Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	2.759.918.518	2.636.842.875
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	323.000.000	-
		Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	2.886.144.910	1.956.099.314
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.068.947.994	-
		Chuyển tiền thanh toán hộ tiền mua cổ phần	-	800.000.000
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	39.900.000.000	47.250.000.000
		Hỗ trợ hành chính	1.236.600.000	1.231.200.000
		Thu Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.397.666.134	1.136.198.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Trường Cao Đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	Chuyển tiền thanh toán hộ tiền mua cổ phần	9.000.000.000	-
		Vay ngắn hạn	16.700.000.000	-
		Trả gốc vay	6.100.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa	150.000.000	1.976.860
		Bù trừ công nợ	165.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty con	Mua vật tư, hàng hóa	400.853.400	-
		Mua dịch vụ	109.510.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa	84.393.160	-
		Bù trừ công nợ	92.589.200	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng hóa	72.255.113.761	21.703.168.060
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	449.924.364	573.873.164
		Mua vật tư, hàng hóa	1.954.023.640	12.199.258.478
		Bù trừ công nợ	2.150.781.754	1.516.953.800

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	55.271.215.205	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	40.555.815.117	29.776.933.402
Công ty Cổ phần Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	767.271.458	4.595.009.082
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	32.776.152.574
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.160.202.500
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	201.758.036
TỔNG CỘNG			96.594.301.780	68.510.055.594
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	16.008.733.100	6.568.379.400
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	2.741.444.784	-
Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	417.224.674	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty con	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	355.794.340	-
Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	59.843.520	-
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	Công ty mẹ	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	3.934.656	11.286.000
TỔNG CỘNG			19.586.975.074	6.579.665.400
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18)				
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	Vay ngắn hạn	10.600.000.000	-
TỔNG CỘNG			10.600.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng thu nhập	4.290.574.330	3.856.176.225
TỔNG CỘNG	4.290.574.330	3.856.176.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	5.466.750.000	543.000.000
Từ 1 – 5 năm	13.908.125.000	543.000.000
TỔNG CỘNG	<u>19.374.875.000</u>	<u>1.086.000.000</u>

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	4.150.232.496	4.150.232.496
Từ 1 – 5 năm	16.600.929.984	16.600.929.984
Trên 5 năm	92.163.398.776	96.296.575.522
TỔNG CỘNG	<u>112.914.561.256</u>	<u>117.047.738.002</u>

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Người lập
Ngô Văn Hải





Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Yên

Tổng Giám đốc
Bùi Quang Vinh

Ngày 22 tháng 2 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**
HEM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 98/2019/CV-HEM
V/v: Giải trình biến động
Lợi nhuận sau thuế năm 2018
so với năm 2017.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM).
- Mã chứng khoán: HEM
- Địa chỉ: Km12 đường Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 0437655510 Fax: 0437655509
- E-mail: taichinhketoanhem@gmail.com

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trong năm 2018:


- Báo cáo tài chính riêng năm 2018 của Công ty mẹ HEM ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 70 tỷ đồng giảm 13,64% so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do công tác đầu tư tài chính chưa hiệu quả, lợi nhuận và cổ tức được chia từ các công ty con và công ty liên kết giảm so với năm 2017.

- Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 ghi nhận lợi nhuận sau thuế tăng 17,19% so với năm 2017, do trong năm 2018 HEM đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari (VIHEM) với tỷ lệ sở hữu 65,37% vốn điều lệ VIHEM, theo đó Báo cáo tài chính Hợp nhất ghi nhận thêm lợi nhuận từ Công ty con này. Mặt khác Công ty liên kết hoạt động có hiệu quả trong năm 2018 đóng góp đáng kể vào kết quả sản xuất kinh doanh của HEM.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thanh Yên